

I. Giản lược mệnh đề tính ngữ

Có những kiểu giản lược chính: **Ving/ Ved (P_{II}); to V; cụm danh từ/ cụm giới từ.**

Mục đích: làm câu văn trở nên súc tích hơn, tránh rườm rà.

1. Giản lược về động tính từ Ving; Ved

- **Động tính từ hiện tại (Hiện tại phân từ):** V-ing: mang nghĩa chủ động (*the investing company*)
- **Động tính từ quá khứ (Quá khứ phân từ):** Ved/ P_{II}: mang nghĩa bị động (*the invested company*)

Lưu ý: cần phân biệt động tính từ hiện tại với danh động từ:

Learning English is very important.

Cách giản lược:

- **Điều kiện giản lược: Sub=S**

- **Cách giản lược:**

✓ **Bước 1 :**bỏ Sub

✓ **Bước 2:**

- Nếu V bắt đầu bằng tobe, bỏ tobe và giữ nguyên phần còn lại
 - Nếu V không bắt đầu bằng tobe, chuyển phần đầu của V thành Ving
- Chú ý:** Nếu muốn phủ định thêm not vào trước cụm từ đó.

- **Ví dụ giản lược về dạng chủ động - Ving**

The professional who comes from Viet Nam can speak English very well.

→*The professional coming from Viet Nam can speak English very well.*

The man who is sitting next to me is my uncle.

→*The man sitting next to me is my uncle.*

A truck which was carrying pipes has over turned.

→*A truck carrying pipes has over turned.*

The man who didn't pay attention to his work made a serious mistake.

→*The man not paying attention to his work made a serious mistake.*

- **Ví dụ giản lược về dạng bị động - Ved(P_{II})**

The book which is written by Mr.Tom is very interesting.

→*The book written by Mr.Tom is very interesting.*

The boy who was injured in the accident was taken to hospital.

→*The boy injured in the accident was taken to hospital.*

2. Rút gọn về cụm động từ nguyên mẫu: TO V-inf

- 2.1. Điều kiện: Sub=S và N_{đbn} đi với các cụm thứ tự như: *the first, the second, the only, the last...hoặc dạng so sánh nhất.*

He is the last man who left the class.

→ *He is the last man to leave the class.*

She is the only person who understands this problem.

→ *She is the only person to understand this problem.*

You are the youngest man who won the award.

→ *You are the youngest man to win the award.*

- 2.2. Khi IC, DC có cùng chủ ngữ, động từ của Dcadj có chứa ĐTKT.

Cấu trúc: *S + V + (O) + Sub + S + can/could/must/will + V.*

→ *S + V + (O) + to V-inf*

I have something that I must do.

→ *I have something to do.*

3. Giản lược tạo ra cụm giới từ, cụm danh từ

Điều kiện: khi sub=S; và động từ chính trong DCadj là **tobe**.

- 3.1. Giản lược tạo ra **cụm giới từ**: trong **Dcadj xác định** có thể giản lược tạo ra **cụm giới từ**.

The book that is on the table is very interesting.

→ *The book on the table is very interesting.*

- 3.2. Giản lược tạo ra **cụm danh từ**: trong **Dcadj không xác định** có thể giản lược tạo ra **cụm danh từ**.

Mr. Dat, who is a teacher, traveled through Viet Nam when he was 20 years old.

→ *Mr. Dat, a teacher, traveled through Viet Nam when he was 20 years old.*